

TẠP CHÍ

[ISSN 1859-3887]

Tài Chính DOANH NGHIỆP

VTCA Số tháng 3/2024
Hội Tư Vấn Thuế Việt Nam

- VTCA hỗ trợ doanh nghiệp quyết toán thuế
- Ngành Thuế thu ngân sách tăng gần 13%



KẾT QUẢ SXKD CỦA 605/676 DNNN NĂM 2023

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư



taichinhdoanhnghiep.net.vn

TỔNG BIÊN TẬP

HÀ KHẮC MINH

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

NGUYỄN ĐÌNH CƯ

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

GS. TS VŨ VĂN HÓA

GS. TS NGÔ THẾ CHÍ

GS. TS PHẠM QUANG TRUNG

GS. TS ĐÌNH VĂN TIẾN

PGS. TS NGUYỄN TRỌNG CƠ

PGS. TS HOÀNG TRẦN HẬU

PGS.TS LÊ THỊ KIM NHUNG

PGS. TS BÙI VĂN VÂN

TS. HOÀNG THỊ LIỄU

Chuyên viên cao cấp NGUYỄN THỊ CÚC

Chuyên viên cao cấp ĐẶNG QUYẾT TIẾN

TRƯỞNG BAN TRỊ SỰ

PHÁT HÀNH - QUẢNG CÁO

HOÀNG THỊ HỒNG NHUNG

THIẾT KẾ

PHẠM HỒNG ÁNH

TÒA SOẠN:

Phòng 905 Tòa nhà Tổng cục Thuế

Số 123 Lò Đúc, Hà Nội

Điện thoại: 024.3971 2299/ 9016

Hotline: 086 508 6899

Email: tapchitaichinhdoanhnghiep@gmail.com

Giấy phép: Số 65/GP-BTTTT cấp ngày 31/01/2018

In tại Công ty CP In Tài chính

Giá bán: 22.500đ

MỤC LỤC SỐ THÁNG 03/2024

THÔNG TIN - SỰ KIỆN

- 02 Thủ tướng: DNNN cần là lực lượng tiên phong, dẫn đầu... Thu Trang
- 03 VTCA đồng hành cùng người nộp thuế... Lan Phương

VẤN ĐỀ HÔM NAY

- 04 Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp... Duy Long
- 06 Đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp... Lê Hải
- 08 Chính sách có hiệu lực từ tháng 3/2024 PV

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- 09 Chuyển đổi số trong giáo dục đại học... TS. Nguyễn Thị Bích Thủy,
Bùi Thị Dung, Phan Thị Quỳnh Như,
Ngô Thị Mai Hương, Trần Thị Thu Hiền, Nguyễn Đình Cường
- 14 Nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngân hàng... NCS. Võ Phúc Trường Thành
- 20 Tác động của nhận thức rủi ro... Trần Tuấn Anh, Trần Thanh Giang, Vương Quốc Anh
- 24 Nghiên cứu năng lực thông tin của sinh viên... ThS. Trương Thị Hoài,
Ngô Ngọc Thu, Trần Thị Ngân, Nguyễn Thị Ngọc,
Đinh Thị Hải Nhung, Ngô Thị Cẩm Nhung
- 28 Xu hướng tác động của kế toán quản trị... Nguyễn Thị Hoa, Trần Bích Ngọc
- 30 Giải pháp tạo động lực làm việc cho công chức... NCS. Phạm Việt Tiến

THUẾ NHÀ NƯỚC

- 35 2 tháng đầu năm: Ngành Thuế thu ngân sách... Thu Hoài
- 36 Đề xuất sửa quy định về giá tính thuế giá trị gia tăng Minh Anh
- 37 Đối thoại, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp... Thu Huyền
- 38 Bạn đọc hỏi, VTCA trả lời VTCA
- 40 Ngành Hải quan gia tăng tiện ích trong thanh toán... Hồng Vân
- 42 Kho bạc Nhà nước: Tập trung quản lý hiệu quả... PV

DOANH NGHIỆP - THỊ TRƯỜNG

- 43 Hội nghị IAS 2024: Vietnam Airlines khẳng định... PV
- 44 Kinh tế 2 tháng đầu năm: Chuyển biến tích cực... Thanh Hải
- 46 Chuyển đổi xanh: Thiếu cả nguồn vốn và quy trình tiếp cận Hà Quỳnh
- 48 Tăng trưởng tín dụng: Kích cung, hỗ trợ doanh nghiệp... Thu Hương
- 50 Năm 2024: Ưu tiên dự án FDI hàm lượng công nghệ cao Phương Trang
- 52 Thu hút du khách quốc tế: Kiến tạo điểm đến... Trần Kiều

TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

- 54 Phát triển hoạt động bảo lãnh tín dụng hỗ trợ... Lê Nam Long

Chân thành cảm ơn

Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - VINACOMIN đã đồng hành
cùng chúng tôi trong việc tặng Tạp chí đến các trường đại học



NGHIÊN CỨU NĂNG LỰC THÔNG TIN CỦA SINH VIÊN NGÀNH KẾ TOÁN TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

ThS. Trương Thị Hoài,
Ngô Ngọc Thu, Trần Thị Ngân, Nguyễn Thị Ngọc,
Đinh Thị Hải Nhung, Ngô Thị Cẩm Nhung
Trường Đại học Vinh

Tóm tắt

Năng lực thông tin là một trong những kiến thức và kỹ năng then chốt, cần thiết trong việc nghiên cứu bất kỳ lĩnh vực nào. Đó là điều kiện tiên quyết cho việc học tập và cho phép người học tham gia một cách chủ động và có phê phán vào nội dung học tập và mở rộng việc nghiên cứu, trở thành người có khả năng tự định hướng, tự kiểm soát tốt hơn quá trình học của mình. Khi các trường đại học ngày càng có xu hướng lồng ghép việc phát triển và đánh giá các kỹ năng này vào việc đào tạo ở bậc đại học, là cơ sở quan trọng cho việc phát triển các kỹ năng khác. Các nghiên cứu về năng lực thông tin hiện nay chưa hệ thống hóa và làm rõ được năng lực thông tin như thế nào của sinh viên, đặc biệt là sinh viên ngành kế toán. Bài viết giúp các sinh viên và những người làm công tác giáo dục có cái nhìn cụ thể, bao quát hơn về năng lực thông tin của sinh viên trong công cuộc chuyển đổi số trong giáo dục đại học đang diễn ra vô cùng mạnh mẽ trong những năm gần đây.

Từ khóa: năng lực thông tin, sinh viên, kế toán, chuyển đổi số.

1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán

Chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán là một trong những mục tiêu quan trọng đặt ra trong Chiến lược kế toán - kiểm toán đến năm 2030 được ban hành kèm theo Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 23/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Chuyển đổi số trong kế toán có thể hiểu là việc ứng dụng các công nghệ số vào các nghiệp vụ kế toán, giúp cho các nghiệp vụ kế toán được triển khai nhanh chóng, hiệu quả hơn mà vẫn tối ưu tiết kiệm nhân lực, thời gian và chi phí cho doanh nghiệp. Bài viết trao đổi về những khó khăn, thách thức, từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm đẩy nhanh chuyển đổi số trong kế toán dưới bối cảnh tác động của công nghệ số. Theo Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán (Bộ Tài chính), qua đánh giá về việc tiếp cận Cách mạng công nghệ 4.0 đối với ngành nghề kế toán và quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực này nói chung, có thể thấy Việt Nam đang ở chặng đường đầu tiên. Tuy nhiên, những khảo sát về sự quan tâm và hiểu biết của người làm trong lĩnh vực kế toán về tác động của công nghệ số đối với nghề nghiệp của mình cho thấy, đang có sự chuyển biến, thay đổi mạnh mẽ trong tư duy.

Theo kết quả khảo sát của Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) về ảnh hưởng của Cách

mạng công nghệ (CMCN) 4.0 đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán tại Việt Nam, về mức độ quan tâm có hơn 1/2 Kiểm toán viên (KTV) quan tâm cao và chỉ hơn 10% KTV quan tâm đặc biệt; 1/3 KTV cho rằng CMCN 4.0 là vấn đề bình thường như mọi việc khác. Về mức độ tác động, theo khảo sát có 67% các doanh nghiệp kiểm toán, KTV cho rằng CMCN 4.0 đang và sẽ tác động lớn đến ngành nghề kế toán, kiểm toán; 5% nhận thức được CMCN 4.0 sẽ tác động làm biến đổi sâu sắc đến toàn ngành nghề trong tương lai không xa; Có đến 25% các DN kiểm toán, KTV cho rằng CMCN 4.0 chỉ tác động bình thường như yếu tố khác hiện đang tác động đến công việc của họ (như cạnh tranh giá phí, các kỹ thuật kế toán - kiểm toán truyền thống, tuân thủ chuẩn mực, chính sách chế độ...); Có đến 3% cho rằng CMCN 4.0 ít tác động đến công việc mà họ đang thực hiện cung cấp cho khách hàng.

Về ứng dụng thực tế, để tiếp cận với chuyển đổi số nói chung, nhiều doanh nghiệp kế toán, kiểm toán đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào hoạt động nghề nghiệp. Hiện nay, nhiều ứng dụng công nghệ số đã được nhiều doanh nghiệp áp dụng vào trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán, như: phần mềm hóa đơn điện tử, phần mềm kế toán điện tử, phần mềm bán hàng điện tử, phần mềm văn phòng điện tử... Bên cạnh đó, các DN đã dành nguồn lực để đầu tư về mặt công nghệ và về mặt đào tạo nguồn nhân lực nhằm phục vụ tốt nhất cho hoạt động nghề nghiệp và cung cấp dịch vụ.

Trong hoạt động quản lý nhà nước, chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán được Bộ Tài chính quan tâm đẩy mạnh thông qua việc tạo ra khuôn khổ pháp lý khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số. Trong đó, Chiến lược phát triển lĩnh vực kế toán kiểm toán - kiểm toán đến năm 2030 tiếp tục khẳng định định hướng, mục tiêu về chuyển đổi số: “Đẩy mạnh ứng dụng CNTT phù hợp với quá trình chuyển đổi số trong việc xây dựng khung khổ pháp lý và tổ chức triển khai thực hiện tại các đơn vị; xây dựng cơ sở dữ liệu liên quan đến kế toán - kiểm toán phục vụ hoạt động của các đơn vị và hoạt động quản lý, giám sát kế toán - kiểm toán”.

Kết quả khảo sát những người hành nghề kế toán, kiểm toán tại Việt Nam của nhóm tác giả Nguyễn Phước Bảo Ấn và cộng sự (2021) cho thấy, sự hiểu biết của người hành nghề kế toán, kiểm toán về các công nghệ ứng dụng trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán không cao. Trong đó, phần mềm kế toán được người hành nghề kế toán, kiểm toán có mức độ hiểu biết cao nhất (mức 4). Các công nghệ dựa trên nền tảng công nghệ chuỗi khối, ứng dụng ERP, phần mềm kế toán đám mây có được biết đến nhưng chỉ ở mức độ không

rõ ràng.

Về thực trạng ứng dụng các công nghệ trong hệ thống thông tin kế toán của các doanh nghiệp cho thấy, 58,8% doanh nghiệp tham gia khảo sát đã ứng dụng và vận hành thành thạo, chuyên nghiệp phần mềm kế toán. Ngoài ra, một số các phần mềm khác cũng được các doanh nghiệp sử dụng thành thạo nhưng tỷ lệ chưa cao như phần mềm lập hoá đơn điện tử trên nền công nghệ chuỗi khối - Blockchain (26,8%); hệ thống ERP (15,7%) và phần mềm kế toán đám mây (10,5%).

Quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán đối mặt với không ít khó khăn, thách thức. Cơ sở hạ tầng CNTT chưa tương xứng: Việc đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán của Việt Nam chưa theo kịp được với xu hướng mới và chưa được chú trọng đầu tư tương xứng. Tuy nhiên, bài toán nan giải đặt ra đó là do việc đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng số không phải là việc có thể tiến hành nhanh, trong khi việc ứng dụng công nghệ 4.0 vào lĩnh vực kế toán, kiểm toán sẽ diễn ra rất nhanh chóng. Sự thiếu hụt nhân sự tài chính, kế toán chất lượng cao: Trong lĩnh vực kế toán, nhân lực đóng vai trò quan trọng nhất bởi các kiến thức chuyên sâu và gắn với lợi ích của nhiều bên liên quan.

Thực tế đã chứng minh, nguồn nhân lực trong ngành Kế toán, kiểm toán ở Việt Nam không chỉ thiếu về số lượng mà chất lượng cũng chưa cao. Thống kê của Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam, có tới 2/3 sinh viên tốt nghiệp ngành Kế toán, chưa đáp ứng nhu cầu của các nhà tuyển dụng xét trên nhiều khía cạnh.

Trong khi đó, kỷ nguyên số hóa ngày nay với những công nghệ mới lại đòi hỏi trình độ của nhân sự tài chính, kế toán, kiểm toán rất cao. Lo ngại bài toán bảo mật dữ liệu: Sự ra đời của các công nghệ trong cuộc cách mạng công nghệ 4.0 đã thay đổi hoàn toàn phương thức, quy trình kế toán truyền thống: toàn bộ dữ liệu được số hóa thành các thông tin điện tử, công nghệ blockchain trở thành “sổ cái” khổng lồ... Tuy nhiên, các nguy cơ bị mất cắp các dữ liệu thông tin kế toán, kiểm toán là rất hiện hữu trong môi trường mạng. Đây là một nguy cơ mà các kế toán, kiểm toán cần nhận thức được và chuẩn bị cho những vấn đề có thể xảy ra khi ứng dụng các công nghệ mới. Nếu không có chính sách hay biện pháp bảo mật thì việc lộ thông tin, đánh cắp thông tin là điều dễ nảy sinh.. Sự không phù hợp giữa tư duy lối mòn cũ và văn hóa doanh nghiệp với sự đổi mới công nghệ số: Chiến lược tư duy truyền thống không còn phù hợp đối với doanh nghiệp kế toán kiểm toán. Văn hóa là một yếu tố đóng góp lớn vào sự thành công trong công cuộc chuyển đổi số. Văn hóa mới trong tổ chức phải được

thiết lập, đảm bảo rằng các nhân viên tin vào tiềm năng chuyển đổi số và đồng lòng thay đổi hướng đến mục đích chung của DN.

2. Năng lực thông tin của sinh viên kế toán trong thời kỳ chuyển đổi số

Đối với sinh viên ngành kế toán, việc hiểu biết sâu rộng về các phần mềm và công cụ kế toán là cơ bản. Tuy nhiên, năng lực thông tin không chỉ là việc biết sử dụng các công nghệ hiện đại mà còn liên quan chặt chẽ đến khả năng phân tích số liệu, xử lý dữ liệu lớn và áp dụng các phương pháp phân tích dựa trên dữ liệu để đưa ra các quyết định thông minh. Việc áp dụng công nghệ thông tin vào lĩnh vực kế toán không chỉ giúp tối ưu hóa quá trình làm việc mà còn mở ra nhiều cơ hội mới cho sinh viên ngành kế toán. Năng lực sử dụng các phần mềm kế toán, hệ thống ERP và khả năng làm việc trên các nền tảng làm việc trên điện thoại đám mây trở thành yếu tố quyết định sự thành công trong ngành này. Sinh viên kế toán cần có khả năng ứng dụng công nghệ để giải quyết các vấn đề kế toán hiện đại. Sự hiểu biết bền vững về phần mềm kế toán chuyên sâu như QuickBook, SAP hay Microsoft Dynamics sẽ giúp thích ứng nhanh chóng với một môi trường chuyển đổi số, sinh viên cần có khả năng áp dụng linh hoạt những kiến thức này vào công việc kế toán hàng ngày, giúp tối ưu hóa quy trình và nâng cao hiệu suất làm việc. Đồng thời, việc nắm vững kỹ năng xử lý dữ liệu lớn và khai thác thông tin từ các nguồn khác nhau sẽ là yếu tố quyết định cho sự thành công của sinh viên trong ngành kế toán. Không chỉ dừng lại khả năng sử dụng công nghệ, mà còn quan trọng là khả năng phân tích và tư duy logic. Hơn hết, việc học kỹ năng kỹ thuật, năng lực thông tin còn đòi hỏi sự phát triển kỹ năng mềm như làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề. Trong môi trường chuyển đổi số, khả năng này trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, khi mà sinh viên kế toán cần linh hoạt thích ứng với sự biến động nhanh chóng và đưa ra giải pháp sáng tạo. Sinh viên cần có khả năng hiểu rõ quy trình kế toán, từ đó áp dụng công nghệ một cách linh hoạt hiệu quả. Việc liên tục cập nhật kiến thức qua các khóa đào tạo, hội thảo là không thể thiếu. Sinh viên kế toán cần là người luôn tìm kiếm cơ hội học tập mới, để không chỉ duy trì năng lực thông tin mà còn đảm bảo rằng chúng luôn đồng bộ với xu hướng phát triển công nghệ liên tục cập nhật kiến thức qua các khóa đào tạo, hội thảo là không thể thiếu. Sinh viên kế toán cần là người luôn tìm kiếm cơ hội học tập mới, để không chỉ duy trì năng lực thông tin mà còn đảm bảo rằng chúng luôn đồng bộ với xu hướng phát triển công nghệ. Đồng thời, phát triển kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm là yếu tố quan trọng giúp sinh

viên kế toán có thể hợp nhất thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để đưa ra quyết định chính xác. Việc liên tục cập nhật kiến thức và kỹ năng thông tin qua các khóa đào tạo, hội thảo là quan trọng để sinh viên kế toán không chỉ duy trì năng lực thông tin mà còn nâng cao chúng theo xu hướng phát triển công nghệ. Sự hỗ trợ từ giảng viên và doanh nghiệp cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giúp sinh viên kế toán định hình và phát triển năng lực thông tin của mình trong thời kỳ chuyển đổi số. Chuyển đổi số cũng đặt ra thách thức về an toàn thông tin. Sinh viên kế toán cần có kiến thức về bảo mật dữ liệu, đặc biệt là khi làm các nền tảng trực tuyến. Việc duy trì tính minh bạch và đảm bảo an toàn thông tin khách hàng là trách nhiệm hàng đầu.

Tại Việt Nam, năng lực thông tin là khái niệm không còn mới đối với nhiều trường đại học. Tuy nhiên, hoạt động đào tạo năng lực thông tin nói chung còn manh mún, phân tán, thiếu cách tiếp cận tổng thể mang tính hệ thống, chưa được lồng ghép chính thức vào bài giảng. Do vậy, triển khai nghiên cứu những thách thức và tìm ra giải pháp giúp phát triển hoạt động đào tạo năng lực thông tin trong bối cảnh các trường đại học tại Việt Nam đang trong quá trình hội nhập quốc tế là cần thiết. Trong việc đào tạo năng lực thông tin vai trò của các cơ sở đào tạo là đặc biệt quan trọng. Nếu như coi trường học là nơi cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng liên quan đến việc xác định nhu cầu thông tin, thẩm định và tổng hợp thông tin, thì thư viện chính là nơi cung cấp các dịch vụ thông tin, đào tạo cho người dùng kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin, sử dụng thông tin đúng pháp luật và hợp đạo đức. Nói cách khác, hai loại hình cơ quan trên gắn bó với nhau một cách hữu cơ trong việc trang bị năng lực thông tin cho mọi người.

Hiệu quả của các chương trình đào tạo năng lực thông tin phụ thuộc vào các cơ sở đào tạo. Việc triển khai chương trình năng lực thông tin sẽ cần sự phối hợp, hợp tác của nhiều bộ phận, tổ chức xã hội. Đây vừa là thách thức nhưng cũng vừa là thời cơ để ngành thư viện Việt Nam khẳng định được vị thế của mình, chứng minh được vai trò quan trọng của mình trong hệ thống kinh tế - xã hội. Trong những năm gần đây các trường đại học ở Việt Nam đã bắt đầu quan tâm đến phát triển năng lực thông tin cho sinh viên - xem đó là một trong những kỹ năng mềm quan trọng trang bị cho sinh viên trước khi tốt nghiệp. Nhận thức được tầm quan trọng của phát triển năng lực thông tin các cơ quan, trường đại học đã xây dựng, triển khai và phát triển chương trình năng lực thông tin đến các đối tượng người dùng tin như: Các Trung tâm học liệu Đại

học Cần Thơ, Đại học Đà Nẵng, Đại học Huế, Đại học Thái nguyên, Thư viện Đại học Hà Nội, Trung tâm TT-TV Trường Đại học Y tế Công cộng, Thư viện Đại học Hoa Sen, Trung tâm TT-TV Đại học Quốc gia Hà Nội, Thư viện Trung tâm Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Thư viện Đại học Luật Hà Nội, Thư viện Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Trung tâm TT-TV Trường Đại học Hà Tĩnh,...

3. Yêu cầu để phát huy tốt năng lực thông tin cho sinh viên ngành kế toán ở thời kỳ chuyển đổi số

Để phát huy tốt năng lực thông tin của sinh viên hiện nay, đặc biệt là sinh viên chuyên ngành kế toán, có một số yêu cầu quan trọng mà sinh viên cần tuân thủ:

Để có một nền móng kiến thức chuyên ngành vững chắc, sinh viên cần tiếp cận và nắm vững kiến thức chuyên ngành thông qua việc học tập và nghiên cứu. Trong thời kỳ chuyển đổi số diễn ra ngày càng mạnh mẽ, sinh viên kế toán cần trang bị kiến thức chuyên ngành như sau: Đối với công nghệ thông tin thì sinh viên cần hiểu về các công nghệ thông tin liên quan đến kế toán, bao gồm phần mềm kế toán, hệ thống quản lý tài chính (ERP), và các công cụ phân tích dữ liệu. Trong quy trình chuyển đổi số: Sinh viên cần nắm vững quy trình chuyển đổi số, từ việc thu thập dữ liệu, xử lý dữ liệu, đến báo cáo và phân tích kết quả. Trong việc ứng dụng thực tế: Sinh viên cần hiểu cách áp dụng chuyển đổi số trong các tình huống thực tế của ngành kế toán, bao gồm quản lý tài chính, kiểm toán, và tư vấn thuế. Đối với kỹ năng phân tích dữ liệu: Kỹ năng phân tích dữ liệu và trực quan hóa thông tin là rất quan trọng trong môi trường kế toán chuyển đổi số. Sinh viên cũng nên tìm hiểu về các xu hướng mới như trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain, và automation để áp dụng chúng vào công việc kế toán hiện đại.

Cần phát triển kỹ năng tư duy logic, phân tích và tổng hợp thông tin để giải quyết vấn đề. Kỹ năng tư duy logic giúp sinh viên phân tích và hiểu rõ quy trình chuyển đổi số, từ việc xử lý dữ liệu đến việc tạo ra báo cáo và phân tích kết quả. Sinh viên cần có khả năng tư duy phản biện để đưa ra những quan điểm chính xác và logic trong việc áp dụng chuyển đổi số vào các tình huống kế toán cụ thể. Kỹ năng tư duy sáng tạo giúp sinh viên tìm ra cách áp dụng công nghệ và quy trình chuyển đổi số một cách linh hoạt và hiệu quả trong lĩnh vực kế toán. Kỹ năng tư duy phân tích giúp sinh viên hiểu rõ dữ liệu kế toán và tạo ra các phân tích thông tin có giá trị từ dữ liệu này để hỗ trợ quyết định kinh doanh. Sinh viên cần có khả năng tư duy toàn

diện để nhìn nhận vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau và áp dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tế công việc kế toán trong bối cảnh chuyển đổi số.

Sinh viên cần biết cách sử dụng các nguồn thông tin đáng tin cậy và hiệu quả trên internet và thư viện. Tìm kiếm thông tin chuyên ngành: Sinh viên cần biết cách tìm kiếm thông tin chuyên ngành từ các nguồn đáng tin cậy như sách, bài báo, tạp chí chuyên ngành, và các nguồn thông tin trực tuyến uy tín. Sử dụng công cụ tìm kiếm trực tuyến như Google, PubMed, hoặc các cơ sở dữ liệu chuyên ngành giúp sinh viên tra cứu thông tin hiệu quả. Sinh viên cần có khả năng đánh giá và xác minh tính chính xác của thông tin từ các nguồn khác nhau trước khi áp dụng vào công việc kế toán. Liên kết thông tin từ nhiều nguồn khác nhau giúp sinh viên xây dựng được kiến thức toàn diện và áp dụng chúng vào thực tế công việc kế toán trong bối cảnh chuyển đổi số.

Bên cạnh đó, sinh viên cần hiểu biết về công nghệ thông tin để có thể sử dụng các công cụ và nguồn thông tin hiện đại. Sinh viên cần nắm vững kiến thức về công nghệ thông tin và các công cụ phần mềm kế toán hiện đại. Việc tìm hiểu về các công nghệ mới và cách chúng ứng dụng trong lĩnh vực kế toán là rất quan trọng.

Sinh viên cần phát triển kỹ năng đọc hiểu thông tin và viết lách một cách logic và rõ ràng, cần có khả năng đọc hiểu tài liệu chuyên ngành về chuyển đổi số, công nghệ thông tin, phần mềm kế toán, và các quy trình kế toán liên quan. Việc hiểu rõ văn bản chuyên ngành giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào thực tế công việc kế toán. Cần biết cách trình bày ý kiến và thông tin một cách rõ ràng, logic và chính xác. Việc viết báo cáo, tóm tắt, hoặc phân tích về chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong kế toán là một phần quan trọng của công việc kế toán hiện đại. Học cách sử dụng ngôn ngữ chuyên ngành kế toán và công nghệ thông tin một cách chính xác và hiệu quả khi viết báo cáo, tài liệu kỹ thuật, hoặc tóm tắt thông tin. Tóm tắt và phân tích thông tin từ các nguồn khác nhau giúp sinh viên viết lách một cách sâu sắc và có giá trị trong lĩnh vực kế toán chuyển đổi số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Bùi Vũ Bảo Khuyên, Mai Mỹ Hạnh, Nguyễn Tấn Công (2019), *Giáo dục đại học với công tác đào tạo năng lực cho sinh viên*

Trần Dương (2017), *Một số giải pháp nâng cao năng lực thông tin cho sinh viên trường Đại học Hà Tĩnh*

<https://tapchitaichinh.vn/chuyen-doi-so-trong-linh-vuc-ke-toan-tai-viet-nam.html>

KỶ YẾU

HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC,

THÚC ĐẨY ĐẦU TƯ XANH

HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
NGHỆ AN



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
ĐẠI HỌC HUẾ

UEH
UNIVERSITY

Viện
Nghiên cứu kinh doanh

VIỆN NGHIÊN CỨU KINH DOANH
ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KỶ YẾU

HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC, THÚC ĐẨY ĐẦU TƯ XANH

HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN

MỤC LỤC

	Trang
- Lời nói đầu	7
- Phát triển chương trình đào tạo ở các trường đại học đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững - Đặng Văn Tiến	8
- Phát huy vai trò của giáo dục và đào tạo trong chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay - Hoàng Thị Giang	15
- Giáo dục vì mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay - Nguyễn Cẩm Nga	27
- Giáo dục đại học trong bối cảnh chuyển đổi số - Lê Quốc Diễm	35
- Một số giải pháp nâng cao hiệu quả quá trình chuyển đổi số trong giáo dục đại học hiện nay - Vũ Trà Giang	46
- Chuyển đổi số trong giáo dục đại học ở Việt Nam hướng tới mục tiêu phát triển bền vững - Lê Trọng Hưng	59
- Nâng cao hiệu quả mối quan hệ hợp tác giữa nhà trường với doanh nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững - Lê Thanh Thủy	69
- Thực trạng tích hợp giáo dục vì phát triển bền vững trong chương trình học phi chính thức tại Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng - Trần Thiện Trí	85
- Nâng cao chất lượng đào tạo ngành du lịch tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh theo tiêu chuẩn du lịch ASEAN năm 2023 - Lê Quốc Hưng, Chung Lê Khang	102
- Chuyển đổi số trong kế toán - nhu cầu của doanh nghiệp và sự thích ứng từ phía các trường đại học - Nguyễn Hồng Nga, Lâm Thị Trúc Linh, Nguyễn Ngọc Thọ, Trần Thị Ánh Hồng	112
- Mức độ nhận thức và kỳ vọng của người học khi quyết định lựa chọn các chương trình đào tạo cử nhân khối ngành Kinh tế tại Trường Đại học Vinh - Nguyễn Đăng Đức, Bùi Thị Khánh Huyền, Lê Thị Giang	121
- Hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp - yếu tố nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện nay - Đỗ Thị Thu Huyền	139
- Phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy đầu tư xanh: Vấn đề hợp tác giữa Trường Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh và doanh nghiệp hiện nay - Nguyễn Khoa Huy	149
- Chuyển đổi kỹ thuật số trong giáo dục do đại dịch COVID-19 và bước tiến tiếp theo hướng tới mục tiêu phát triển bền vững tại Việt Nam - Lê Thị Thuý Hà	158
- Chuyển đổi số trong giáo dục ở Đại học Thái Nguyên - Nguyễn Thị Quế Loan	175
- Chuyển đổi số trong dạy học và kiểm tra đánh giá tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân - Hoàng Văn Thắng, Phạm Văn Nghĩa	186
- Nghiên cứu năng lực thông tin của sinh viên ngành Kế toán trong bối cảnh chuyển đổi số - Trương Thị Hoài, Ngô Ngọc Thu, Trần Thị Ngân	191

- Tác động của ai trong dạy và học đại học - Phan Thị Thuý Kiều, Lê Thị Hồng Gấm, Nguyễn Tự Trung Nhã, Lê Thanh Mỹ	206
- Trường Đại học Thủ Dầu Một đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số tại tỉnh Bình Dương - Vũ Hải Thiên Nga	215
- Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn chương trình chất lượng cao của sinh viên - Đặng Thị Loan, Bùi Thị Thanh Hương	229
- Thực trạng kỹ năng tự học của sinh viên Khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng - Phạm Minh Tuấn	245
- Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên nhằm hướng tới đạt chuẩn đầu ra chung của Trường Đại học Công nghệ Đông Á - Vi Văn Thảo	253
- Vai trò của vốn văn hoá trong hoạt động khởi nghiệp của sinh viên hiện nay (nghiên cứu trường hợp sinh viên khởi nghiệp tại một số trường đại học trên địa bàn Hà Nội) - Lương Thu Trang	267
- Cơ hội khởi nghiệp của sinh viên trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 - ThS. Hoàng Thị Phương Loan	276
- Tăng cường vai trò quản trị của trường đại học trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở Việt Nam hiện nay - Trần Thị Diên, Nguyễn Thị Thảo, Nguyễn Mạnh Hưng	288
- Chương trình khởi nghiệp cơ sở giáo dục một số nước - Đào Minh Châu	300
- Xây dựng hệ thống giáo dục khởi nghiệp tại các trường đại học ở Trung Quốc và Hoa Kỳ - Bài học cho Việt Nam - Nguyễn Quốc Phóng	306
- Giáo dục và kiến thức khởi nghiệp có ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp? Vai trò trung gian của thái độ khởi nghiệp - Nguyễn Đình Ưông	316
- Ảnh hưởng của chất lượng quản trị đến bất bình đẳng giáo dục tại Việt Nam - Bùi Quang Tuyến, Hoàng Thị Huệ, Nguyễn Thị Bích Trâm, Lê Phan Tuấn Đạt, Nguyễn Linh Ngọc, Nguyễn Tú Tuệ Minh	334
- Quan hệ lao động tại các trường đại học ngoài công lập ở Việt Nam - Trịnh Đình Hậu	349
- Developing a process for enhancing the efficiency of management at Bau Bang high school through digital transformation - Dang Tuan Duy, Nguyen Thi Tra My	356
- Triết lý giáo dục của Hồ Chí Minh về giáo dục - đào tạo và sự vận dụng vào đào tạo nguồn nhân lực trong nền kinh tế số nhằm phát triển bền vững ở nước ta hiện nay - Nguyễn Thị Thanh Xuân, Nguyễn Quốc Sơn	371
- Quan điểm Đại hội XIII của Đảng về phát triển nguồn nhân lực trong nền kinh tế số ở Việt Nam hiện nay - Tạ Thị Năm	390
- Nguồn nhân lực trong nền kinh tế số: Kinh nghiệm một số quốc gia châu Á và khuyến nghị cho Việt Nam - Trần Thị Hồng Cúc, Ngô Thị Thoại An	402
- Chiến lược phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong doanh nghiệp - Hoàng Cao Thiện	413
- Quản trị nguồn nhân lực xanh hướng tới mục tiêu phát triển bền vững - Nguyễn Công Nhật	423

- Nguồn nhân lực trong xây dựng nền kinh tế số ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp - Lê Văn Tuyên	432
- Quản lý nguồn nhân lực - giải pháp tối ưu hoá nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp du lịch hướng tới mục tiêu Net zero của Việt Nam đến năm 2050 - Nguyễn Văn Đồng	440
- Quản trị nguồn nhân lực xanh - Xu thế tất yếu cho các doanh nghiệp ở Việt Nam phát triển bền vững trong nền kinh tế số - Đỗ Ngân Hương	450
- Chuyển đổi số và việc làm: bằng chứng thực nghiệm tại các quốc gia châu Á - Nguyễn Thị Mai, Huỳnh Nguyễn Vinh, Trương Lê Thảo Ngân, Vũ Nguyễn Kiều Vân, Lâm Nguyễn Như Nguyễn, Nguyễn Thảo Nguyên	467
- Phát triển nguồn nhân lực số đáp ứng yêu cầu kinh tế số ở thành phố Đà Nẵng - Lâm Bá Hoà, Nguyễn Thị Thu Hà	488
- The effects of human and financial development on climate change vulnerability: A worldwide perspective - Nguyen Hoang Long, Tran Thi Thao Quyen, Nguyen Van Tien Son	497
- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong nền kinh tế số đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay - Hoàng Thị Thu Huyền, Phạm Thị Tường Vi	517
- Nguồn nhân lực trong bối cảnh phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay - Hoàng Thị Lan Phương	527
- Phát triển nguồn nhân lực trong nền kinh tế số góp phần phát triển bền vững - Đỗ Thị Huyền Thanh	537
- Vận dụng quản trị nguồn nhân lực xanh cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp - Nguyễn Thị Việt Hà, Phạm Thị Thương Diệp	550
- Phát triển nguồn nhân lực số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ở Việt Nam - Trần Khánh Linh, Ninh Thị Thu Thuỷ	559
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam góp phần phát triển kinh tế - Nguyễn Thị Cẩm Vân, Phạm Đức Giáp, Cao Ngọc Thị Quỳnh Trang	568
- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong nền kinh tế số của Việt Nam - Phạm Thị Hồng My	579
- Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững thông qua phát triển việc làm xanh và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại Việt Nam - Hoàng Thị Huệ, Nguyễn Hải Anh, Nguyễn Khánh Hằng, Nguyễn Hải Nam, Nguyễn Cao Hà Trang, Nguyễn Thu Thảo	592
- Nâng cao chất lượng nguồn lực lao động trong nền kinh tế góp phần phát triển bền vững ở Việt Nam - Đinh Văn Tới, Phan Thị An Phú, Hoàng Thị Thuý Hằng	606
- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở các tỉnh duyên hải miền Trung trong giai đoạn hiện nay - Phạm Huy Thành, Nguyễn Văn Hoàn	616
- Giải pháp thu hút nguồn nhân lực số trong quá trình phát triển kinh tế số tại Thành phố Hồ Chí Minh - Phạm Hồng Sơn, Võ Thị Tuyết Như, Lâm Thái Khang, Nguyễn Công Khải	625

- Những khuyến nghị về phát triển nguồn nhân lực đáp ứng thực tiễn phát triển nền kinh tế xanh tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay - Nguyễn Trần Khai Quốc	633
- Phát triển nguồn nhân lực du lịch - cơ sở phát triển du lịch bền vững tại Hà Giang - Hoàng Thị Lan	653
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong giai đoạn số hoá ngành Ngân hàng - Phạm Ngọc Huyền, Nguyễn Thị Thu	666
- Đổi mới nhân lực khu vực công trong nền kinh tế số nhằm đáp ứng phát triển bền vững - Phạm Thị Bích Thuỷ	680
- Đào tạo nguồn nhân lực đối với ngành Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 - Nguyễn Thị Thảo, Nguyễn Thị Hằng	691
- Khu du lịch quốc gia hồ Hòa Bình và bài toán nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển bền vững theo xu hướng kinh tế xanh - Lê Văn Tấn, Nguyễn Thị Hương, Hoàng Thị Thêm, Mai Thuận Lợi	703
- Phát triển nguồn nhân lực dẫn chương trình sự kiện du lịch chất lượng cao trong giai đoạn hiện nay - Hồ Lưu Phúc	716
- Thực trạng và những vấn đề đặt ra đối với nguồn nhân lực người dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi Việt Nam trước thách thức của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 - Trần Cao Nguyên, Lê Văn Giáp	726
- Biểu đồ phát triển nguồn nhân lực Việt Nam: Chiến lược “đầu tư xanh” cho tương lai bền vững - Lê Văn Hải	734
- Tín dụng xanh tại một số ngân hàng thương mại ở Việt Nam - Lê Thuỳ Dung, Võ Hoàng Diễm Trinh, Thân Thị Bình	746
- Tăng trưởng tín dụng và mô hình kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực nông nghiệp tại Hậu Giang - Phạm Minh Trí, Nguyễn Quốc Bình, Cao Thị Nhân Anh	761
- Một số đề xuất thúc đẩy phát triển thị trường trái phiếu xanh tại Việt Nam - Nguyễn Văn Đán, Nguyễn Thị Anh Thi	778
- Phát triển trái phiếu xanh thúc đẩy phát triển tài chính xanh ở Việt Nam hiện nay - Phạm Thị Mai Hương, Nguyễn Anh Đức, Võ Thị Minh Tâm	788
- Phát triển tài chính xanh tại Việt Nam vì mục tiêu phát triển bền vững - TS. Đường Thị Quỳnh Liên	802
- Phát triển thị trường tài chính xanh hướng tới mục tiêu phát triển bền vững tại Việt Nam - Nguyễn Võ Tuyết Trinh	811
- Chiến lược và sáng kiến do các công ty kiểm toán thực hiện nhằm thúc đẩy phát triển tài chính xanh ở Việt Nam - Ngô Minh Trang	821
- Kinh nghiệm quốc tế phát triển tài chính xanh hướng tới mục tiêu phát triển bền vững - Nguyễn Hồng Hạnh	838
- Tài chính toàn diện và dân trí tài chính trường hợp nghiên cứu tại Việt Nam - Nguyễn Ngọc Duẩn, Lại Quỳnh Anh	845
- Hoàn thiện các quy định pháp luật về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho đầu tư xanh ở Việt Nam - Đinh Văn Linh	861
- Chuyển đổi số với bảo vệ và cải thiện môi trường ở Việt Nam - Bùi Phan Nhã Khanh, Bùi Quang Bình	869

- Chuyển đổi số trong doanh nghiệp hướng đến mục tiêu tăng trưởng bền vững - Phan Thị Thu Hà	880
- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào các doanh nghiệp thuộc ngành bán lẻ trong bối cảnh nền kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam: Cơ hội và thách thức - Nguyễn Minh Huyền, Bùi Huyền Anh, Nguyễn Trang Thu	888
- Chuyển đổi số - giải pháp cho phát triển bền vững trong doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế - Nguyễn Thị Diệu Linh	904
- Sự tham gia của cộng đồng dân cư trong việc chuyển đổi số để phát triển du lịch bền vững tại tỉnh Long An - Hà Nam Khánh Giao, Nguyễn Thị Kim Ngân	918
- Phương pháp phân tích nhân tố khám phá xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi số của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hải Dương - Phạm Văn Nghĩa, Hoàng Văn Thắng	935
- Chuyển đổi mô hình kinh doanh theo hướng kinh tế tuần hoàn dựa trên chuyển đổi số của doanh nghiệp Đà Nẵng - Bùi Quang Bình, Nguyễn Trường Minh	950
- Xu hướng phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam - Nguyễn Phan Yến Phương	964
- Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tỉnh Nghệ An - Nguyễn Lan Anh, Đinh Văn Tới, Hoàng Thị Thuý Hằng, Lê Bảo Ngọc	973
- Thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh tại Việt Nam và bài học kinh nghiệm từ quốc tế - Hoàng Võ Hằng Phương, Ngô Quang	988
- Phát triển doanh nghiệp theo hướng xanh - Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam - Bùi Thị Hồng Chinh	999
- Phát triển du lịch xanh tại Pù Luông, Thanh Hoá: Tiềm năng và một số vấn đề đặt ra giai đoạn hiện nay - Lê Văn Tấn, Hoàng Hồng Anh, Hoàng Thị Thêm, Trịnh Thị Thuyết, Mai Thuận Lợi	1010
- Du lịch xanh tại Việt Nam: Lí thuyết đến thực tiễn - Lê Hữu Nghĩa	1023
- Phát triển du lịch sinh thái tại Phá Hạc Hải thuộc huyện Lệ Thủy và huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình - Phan Nữ Ý Anh, Võ Thị Nho	1035
- Xây dựng năng lực cộng đồng trong phát triển bền vững du lịch sinh thái: Trường hợp phường Thủy Biều, thành phố Huế - Nguyễn Đoàn Hạnh Dung, Bạch Thị Thu Hà	1047
- Tác động của ESG đến niềm tin thương hiệu và lòng trung thành của khách hàng ở doanh nghiệp FNB: Nghiên cứu tại nội thành Hà Nội - Lê Thanh Tâm, Phạm Hà Thanh, Tạ Ngọc Anh, Trần Hà Trang, Nguyễn Mỹ Thảo, Vũ Minh Trang	1064
- Các nhân tố ảnh hưởng đến công bố thông tin phát triển bền vững của các doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh - Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam - Phạm Thị Xuân Thảo, Trương Thị Mỹ Liên, Nguyễn Thị Bích Nhi	1094
- Thực hành môi trường, xã hội và quản trị trong các doanh nghiệp logistic tại Việt Nam - Đoàn Thị Thanh Hoà, Trương Thị Nhi, Nguyễn Văn Tiến Sơn	1106
- Xây dựng quan hệ lao động hài hoà trong các doanh nghiệp FDI ở tỉnh Thừa Thiên Huế - Nguyễn Hữu Lợi	1114
- Thu hút FDI xanh gắn với chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh của Việt Nam - Triệu Văn Huấn	1127

- Giải pháp thúc đẩy quản trị công xanh tại Việt Nam - Phan Thị Thanh Trúc, Nguyễn Thị Thu Hà	1138
- Trách nhiệm của doanh nhân Việt Nam trong phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam hiện nay - Hoàng Thu Trang, Nguyễn Thị Thanh Thương	1152
- Tăng trưởng xanh ở các quốc gia châu Á: Vai trò của đầu tư tư nhân - Nguyễn Thị Mai, Huỳnh Nguyễn Vinh, Nguyễn Thái Nguyên, Lê Thị Cẩm Ly, Thái Nhật Huy, Huỳnh Phan Hoài Hạ, Phan Thế Thuỳ Linh	1164
- Thực trạng và giải pháp kinh tế xanh vì môi trường bền vững ở Việt Nam: một số lý luận và thực tiễn - Trần Thái Yên, Nguyễn Đắc Hậu, Phan Thị Thanh Bình, Trần Thị Vân	1178
- Dự đoán các yếu tố tác động ý định mua xanh đối với đổi mới sinh thái và sản phẩm xanh: Nghiên cứu ở thành phố Đà Nẵng - Việt Nam - Lê Thị Kim Tuyết, Nguyễn Thành Nhân, Nguyễn Thị Thanh Thảo, Nguyễn Thị Trà My	1190
- Ảnh hưởng của hạ tầng viễn thông di động đến tăng trưởng xanh ở Việt Nam - Vũ Lê Huy	1214
- Xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam với vấn đề thực thi các cam kết về môi trường trong Evfta - Lữ Thị Ngọc Diệp	1223
- Thực hiện kinh tế tuần hoàn hướng tới phát triển bền vững trên địa bàn thành phố Đà Nẵng - Nguyễn Thị Thu Hà	1238
- Thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn trong doanh nghiệp Việt Nam - Nguyễn Thị Hạnh, Hoàng Bảo Ngọc	1251
- Ứng dụng nông nghiệp tuần hoàn trong chăn nuôi bò thịt góp phần phát triển tăng trưởng xanh bền vững ở Việt Nam - Hoàng Anh Tuấn, Võ Thị Hải Lê, Bùi Hữu Đoàn	1264
- Phát triển kinh tế tuần hoàn cho ngành Cà phê ở Việt Nam - Lương Thị Quỳnh Mai - Trần Thị Hồng Lam	1276
- Thị trường tín chỉ carbon: khởi đầu mới cho ngành Lâm nghiệp Việt Nam - Nguyễn Thị Ánh Ngọc, Trương Thị Nhi, Nguyễn Thị Diễm	1285
- Phát thải khí nhà kính và mục tiêu Net zero tại Việt Nam - Nguyễn Thị Ánh Ngọc, Lê Tuấn Mạnh	1297
- Hướng tới phát thải về 0 (Netzero): Kinh nghiệm từ các quốc gia, thực trạng và bài học cho Việt Nam - Nguyễn Lê Hương Trà, Nguyễn Quốc Phóng	1311
- Thực trạng dấu chân carbon ở Việt Nam - Trần Thị Thuý Ngọc, Trần Thị Hoàng Yến	1323
- Nâng cao công tác quản lý nhà nước đối với phát triển bền vững môi trường không khí ở tỉnh Quảng Trị - Nguyễn Hữu Nguyên Xuân, Mai Thị Như Thủy	1335
- Biến đổi khí hậu có thúc đẩy tự do hoá thương mại? Nghiên cứu điển hình tại các quốc gia châu Á - Nguyễn Thị Mai, Lương Thắng Kiệt, Võ Thùy Linh, Võ Trần Phương Nga, Nguyễn Tiểu Quỳnh, Cao Tú Vân	1351
- Tác động mở cửa thương mại đến ô nhiễm môi trường - Lê Hoàng Đức	1375
- Các yếu tố tác động đến ô nhiễm môi trường ở các nước châu Á - Nguyễn Vũ Tường Vy, Võ Ngọc Hồng Thanh, Đặng Như Ý, Huỳnh Hiền Hải	1386

- Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng nhựa sinh học của giới trẻ ở Hà Nội - Nguyễn Thị Phương Thu, Đoàn Thị Ngọc Hà, Đặng Khánh Linh, Nguyễn Khánh Linh, Đào Thị Ngọc Quỳnh, Nguyễn Như Quỳnh	1402
- Thách thức và triển vọng phát triển Halal logistics kinh nghiệm thế giới và bài học cho Việt Nam - Hồ Diệu Huyền	1420
- Tác động của tuổi giám đốc điều hành đến hiệu quả hoạt động của các công ty bất động sản Việt Nam - Nguyễn Thị Thanh Bình, Hoàng Thuỳ Dương, Nguyễn Thị Thu Trang	1434
- So sánh nhận thức về rủi ro giữa các mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng ở huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế - Trần Hạnh Lợi	1445
- Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến cường độ năng lượng của các doanh nghiệp công nghiệp tại thành phố Đà Nẵng - Nguyễn Thị Phương Thảo, Đỗ Bá Nha	1456
- Năng lực cạnh tranh toàn cầu, lao động tự kinh doanh và xuất khẩu: bằng chứng thực nghiệm tại các nhóm quốc gia theo mức thu nhập - Phạm Nguyễn Ngọc Diễm, Tạ Khánh Linh, Hà Anh Kiệt, Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh, Dương Hồ Bảo Ngọc, Nguyễn Thị Mai	1466
- Mô hình trọng lực trong thương mại đến các nước châu Á: bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam - Nguyễn Thị Mai, Huỳnh Nguyễn Vinh, Trần Thị Trà My, Nguyễn Đức Hồng Ngọc, Lương Hồng Thanh Nhã, Trịnh Thế Minh	1488
- Tổng quan các yếu tố tác động đến hành vi mua hàng ngẫu hứng: Vai trò trung gian của hội chứng sợ bị bỏ lỡ - Trần Thị Kim Nhung, Trần Thu Hằng, Đinh Văn Tiên Sơn	1515

NGHIÊN CỨU NĂNG LỰC THÔNG TIN CỦA SINH VIÊN NGÀNH KẾ TOÁN TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Trương Thị Hoài, Ngô Ngọc Thu, Trần Thị Ngân⁽¹⁾

TÓM TẮT:

Năng lực thông tin là một trong những kiến thức và kỹ năng then chốt, cần thiết trong việc nghiên cứu bất kỳ lĩnh vực nào. Đó là điều kiện tiên quyết cho việc học tập suốt đời, cho phép người học tham gia một cách chủ động và có phê phán vào nội dung học tập và mở rộng việc nghiên cứu, trở thành người có khả năng tự định hướng, tự kiểm soát tốt hơn quá trình học của mình. Khi mà các trường đại học ngày càng có xu hướng lồng ghép việc phát triển và đánh giá các kỹ năng này vào việc đào tạo ở bậc đại học, là cơ sở quan trọng cho việc phát triển các kỹ năng khác. Các nghiên cứu về năng lực thông tin hiện nay chưa hệ thống hoá và làm rõ được năng lực thông tin như thế nào của sinh viên, đặc biệt là sinh viên ngành kế toán. Vì vậy, bài nghiên cứu giúp cho các bạn sinh viên và những người làm công tác giáo dục có cái nhìn cụ thể, bao quát hơn về năng lực thông tin của sinh viên trong công cuộc chuyển đổi số trong giáo dục đại học đang diễn ra vô cùng mạnh mẽ những năm gần đây, từ đó đánh giá và đưa ra được các giải pháp nhằm nâng cao năng lực thông tin cho sinh viên ngành kế toán trong bối cảnh chuyển đổi số.

Từ khóa: Năng lực thông tin, sinh viên, kế toán, chuyển đổi số.

ABSTRACT:

Information competency is one of the key knowledge and skills necessary in researching any field. It is a prerequisite for lifelong learning and allows learners to actively and critically engage with learning content and expand their research, becoming self-directed, self-directed and self-directed. Take better control of your learning process. As universities increasingly tend to integrate the development and assessment of these skills into university training, it is an important basis for the development of other skills. Current research on information competency has not systematized and clarified the information competency of students, especially accounting students. Therefore, the research helps students and educators have a more specific and comprehensive view of

1. Trường Đại học Vinh. Email: Truongthihoai88@gmail.com

students' information capacity in the ongoing digital transformation in higher education. has been extremely strong in recent years, thereby evaluating and offering solutions to improve information capacity for accounting students in the context of digital transformation.

Keywords: Information competency, students, accounting, digital transformation.

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) cùng với Internet đã thúc đẩy những tiến bộ và tăng trưởng trong các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Cùng với sự tiến bộ của công nghệ, các cơ hội mới đang rộng mở ra cho các công dân thế kỉ XXI. Do đó, các cá nhân cần có các khả năng, năng lực và kĩ năng để thích ứng với kỉ nguyên công nghệ và tận dụng các cơ hội. Mỗi cá nhân, bên cạnh việc sở hữu cho mình về mặt kiến thức không lồ thì cần phải phát triển năng lực tối đa để có thể cạnh tranh lành mạnh trong môi trường ngày càng phát triển như bây giờ. Kế toán là một ngành nghề cần sự chính xác tuyệt đối với những thông tin phản ánh về mặt tài chính của doanh nghiệp, công ty, cơ sở kinh doanh tư nhân,... Đây cũng là một trong những lĩnh vực chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi xu hướng chuyển đổi số. Với yêu cầu về nguồn nhân lực cao cùng khả năng làm chủ công nghệ số hiện nay, thì vấn đề xác định hệ thống năng lực thông tin cho sinh viên là vấn đề cấp thiết, đặc biệt đối sinh viên ngành kế toán. Trong thời đại toàn cầu hoá, công nghệ thông tin và tri thức phát triển đã đem lại không ít thách thức cho hoạt động kinh doanh, mà còn tác động rất lớn đến hoạt động giáo dục và đào tạo trong ngành kế toán. Chính vì thế, sinh viên cần trang bị kiến thức cũng như kĩ năng, năng lực của bản thân thật tốt để xoá bỏ khoảng cách, cũng như có thể đứng vững trong thị trường lao động. Để quá trình học tập nghiên cứu đem lại hiệu quả, một trong những kiến thức quan trọng nhất mà sinh viên cần được trang bị chính là năng lực thông tin, chú trọng phát triển năng lực thông tin, đồng thời tập trung nâng cao kĩ năng chuyên môn nghiệp vụ của mình để giúp phát triển năng lực thông tin cho sinh viên. Từ đó, cung cấp các thêm các căn cứ để gợi mở hướng tiếp cận trong lựa chọn các năng lực số phù hợp cho sinh viên đại học tại Việt Nam đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Các nghiên cứu về năng lực thông tin hiện nay chưa hệ thống hoá và làm rõ được năng lực thông tin của sinh viên ngành kế toán. Nhằm giúp sinh viên kế toán và những người làm công tác giáo dục có cái nhìn cụ thể, bao quát hơn năng lực thông tin của sinh viên trong công cuộc chuyển đổi số trong giáo dục đại học đang diễn ra vô cùng mạnh mẽ trong những năm gần đây, nhóm nghiên cứu lựa chọn đề tài *“Nghiên cứu năng lực thông tin của sinh viên ngành Kế toán trong bối cảnh chuyển đổi số”* để tiến hành phân tích và nghiên cứu.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Khái niệm năng lực thông tin, kế toán, chuyển đổi số

Năng lực thông tin (Information Literacy) là khả năng tìm kiếm, đánh giá và sử dụng thông tin một cách hiệu quả và có ý thức. Nó bao gồm khả năng xác định nhu cầu thông tin, tìm kiếm nguồn thông tin phù hợp, đánh giá tính đáng tin cậy của thông tin, và sử dụng thông tin đó một cách hiệu quả trong quá trình học tập, nghiên cứu, và ra quyết định. Năng lực thông tin đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kiến thức và kỹ năng cho mọi người trong thời đại số ngày nay. Năng lực thông tin của sinh viên đề cập đến khả năng của học sinh trong việc tìm kiếm, đánh giá và sử dụng thông tin một cách hiệu quả. Năng lực này bao gồm khả năng tìm kiếm thông tin, đánh giá tính xác thực của thông tin, và sử dụng thông tin để hỗ trợ việc học tập, nghiên cứu và làm việc. Nâng cao năng lực thông tin của sinh viên giúp họ trở thành người học tự chủ, có khả năng phát triển và áp dụng kiến thức một cách hiệu quả trong nhiều lĩnh vực cuộc sống. Theo UNESCO (2005): “Năng lực thông tin là sự kết hợp của kiến thức, hiểu biết, các kỹ năng và thái độ mà mỗi thành viên cần hội tụ đầy đủ trong xã hội thông tin. Mỗi khi cá nhân có năng lực thì họ sẽ phát triển khả năng lựa chọn, đánh giá, sử dụng và trình bày thông tin một cách hiệu quả”. Điều này có nghĩa là người có năng lực thông tin phải sử dụng thông tin một cách đạo đức. Việc truy cập, sử dụng và phổ biến thông tin phải phù hợp với pháp luật. Theo Hiệp hội Thư viện Hoa Kỳ ALA (2000): “Năng lực thông tin là khả năng nhận biết nhu cầu thông tin của bản thân, cũng như khả năng định vị, đánh giá và sử dụng hiệu quả thông tin tìm được”. Viện Năng lực thông tin Úc và New Zealand cho rằng, một người có năng lực thông tin là người có khả năng BundyAlan. Ed., 2004: Nhận dạng được nhu cầu tin của bản thân; xác định được phạm vi của thông tin mình cần; thẩm định thông tin và nguồn của chúng một cách tích cực và hiệu quả; phân loại, lưu trữ, vận dụng và tái tạo nguồn thông tin được thu thập hay tạo ra; biến nguồn thông tin được lựa chọn thành cơ sở tri thức; sử dụng thông tin vào việc học tập, tạo tri thức mới, giải quyết vấn đề, và ra quyết định một cách có hiệu quả; truy cập và sử dụng các nguồn thông tin hợp pháp và hợp đạo đức; sử dụng thông tin và tri thức để thực hiện các quyền công dân và trách nhiệm xã hội.

Kế toán là quá trình ghi chép, phân loại, phân tích và báo cáo về thông tin tài chính của một tổ chức hoặc cá nhân. Quá trình này bao gồm việc thu thập, tổ chức và xử lý dữ liệu tài chính để tạo ra các báo cáo như bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo kết quả kinh doanh. Kế toán cũng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật và quản lý tài chính hiệu quả. Kế toán quan trọng vô cùng trong môi trường kinh doanh và tài chính vì nó cung cấp thông tin cần thiết để quản lý hiệu quả về tình hình tài chính của tổ chức. Sự cần thiết của kế toán là không thể phủ nhận trong môi trường kinh doanh và tài chính hiện đại. Kế toán cung cấp thông tin quan trọng và đáng tin cậy về tình hình tài chính của một tổ chức, giúp quản lý hiệu quả về hiệu suất

kinh doanh, lợi nhuận, và các khoản nợ phải trả. Ngoài ra, thông tin kế toán cũng là cơ sở để đưa ra quyết định chiến lược và tài chính quan trọng.

Chuyển đổi số là cụm từ được nhắc đến bên cạnh các khái niệm như điện toán, đám mây, big data,... và được coi như một xu hướng tất yếu trong thời kỳ cách mạng số 4.0. Vậy chuyển đổi số là gì? Chuyển đổi số là một xu hướng tất yếu của thời đại. “Chuyển đổi số” là khai thác các dữ liệu có được từ quá trình số hoá, rồi áp dụng các công nghệ để phân tích, biến đổi các dữ liệu đó và tạo ra các giá trị mới hơn. Chuyển đổi số là quá trình chuyển đổi một giá trị số từ một hệ thống hoặc định dạng sang một hệ thống hoặc định dạng khác. Quá trình này có thể bao gồm chuyển đổi giữa hệ thống số như từ thập phân sang nhị phân, hoặc chuyển đổi giữa các đơn vị đo lường như từ mét sang feet. Chuyển đổi số là một khái niệm quan trọng trong toán học, khoa học máy tính và các lĩnh vực kỹ thuật khác.

Từ các định nghĩa trên, có thể thấy, năng lực thông tin rất quan trọng trong lĩnh vực kế toán, đặc biệt trong thời kỳ chuyển đổi số. Khi các doanh nghiệp chuyển từ việc sử dụng hệ thống kế toán truyền thống sang hệ thống kế toán số, năng lực thông tin trở nên cực kỳ quan trọng. Việc sử dụng công nghệ thông tin và phần mềm kế toán đòi hỏi nhân viên kế toán phải có kiến thức chuyên môn vững về công nghệ thông tin để hiểu và sử dụng các công cụ này một cách hiệu quả. Cũng như việc hiểu biết về công nghệ thông tin và khả năng sử dụng các công cụ kế toán số sẽ giúp kế toán viên hiểu rõ hơn về dữ liệu, quản lý thông tin một cách hiệu quả hơn, và tạo ra báo cáo tài chính chính xác và đáng tin cậy hơn. Ngoài ra, năng lực thông tin cũng giúp kế toán viên có khả năng phân tích dữ liệu một cách hiệu quả để hỗ trợ quyết định kinh doanh.

2.1.2. Năng lực thông tin của sinh viên kế toán trong thời kỳ chuyển đổi số

Với sự phát triển không ngừng của công nghệ, chuyển đổi số có vai trò quan trọng trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Chuyển đổi số đã, đang và sẽ là yêu cầu bắt buộc để các cơ sở giáo dục phải thực hiện để bảo đảm kế hoạch tiến độ, đảm bảo chất lượng đào tạo, bảo đảm mọi hoạt động trong tổ chức đào tạo và quản lý để hướng đến phát triển bền vững; góp phần đào tạo nhân lực có chất lượng, bảo đảm cho phát triển kinh tế. Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, năng lực thông tin đóng vai trò quan trọng đối với sinh viên ngành kế toán. Đối với sinh viên ngành này, việc hiểu biết sâu rộng về các phần mềm và công cụ kế toán là cơ bản. Tuy nhiên, năng lực thông tin không chỉ là việc biết sử dụng các phần mềm kế toán với công nghệ hiện đại mà còn liên quan chặt chẽ đến khả năng phân tích số liệu, xử lý dữ liệu lớn và áp dụng các phương pháp phân tích dựa trên dữ liệu để đưa ra các quyết định thông minh. Việc áp dụng chuyển đổi số vào lĩnh vực kế toán không chỉ giúp tối ưu hoá quá trình làm việc mà còn mở ra nhiều cơ hội mới cho sinh viên ngành kế toán. Năng lực sử dụng các phần mềm kế toán, hệ thống ERP và khả năng làm việc trên các nền tảng làm việc trên điện thoại đám mây trở thành yếu tố quyết định sự thành công trong ngành này. Sinh viên kế toán cần có khả năng ứng dụng chuyển đổi số để giải quyết các vấn

đề kế toán hiện đại. Sự hiểu biết bền vững về phần mềm kế toán chuyên sâu như QuickBook, SAP hay Microsoft Dynamics sẽ giúp thích ứng nhanh chóng với môi trường chuyển đổi số, sinh viên cần có khả năng áp dụng linh hoạt những kiến thức này vào công việc kế toán hằng ngày, giúp tối ưu hoá quy trình và nâng cao hiệu suất làm việc. Đồng thời, nắm vững kỹ năng xử lý dữ liệu lớn và khai thác thông tin từ các nguồn khác nhau sẽ là yếu tố quyết định cho sự thành công của sinh viên trong ngành kế toán. Không chỉ dừng lại khả năng sử dụng công nghệ, mà quan trọng là khả năng phân tích và tư duy logic. Hơn hết, việc học kỹ năng kỹ thuật, năng lực thông tin còn đòi hỏi sự phát triển kỹ năng mềm như làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề. Trong môi trường chuyển đổi số, khả năng này trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, khi mà sinh viên kế toán cần linh hoạt thích ứng với sự biến động nhanh chóng và đưa ra giải pháp sáng tạo. Sinh viên cần có khả năng hiểu rõ quy trình kế toán, từ đó áp dụng công nghệ một cách linh hoạt, hiệu quả. Việc liên tục cập nhật kiến thức qua các khoá đào tạo, hội thảo là không thể thiếu. Sinh viên kế toán cần là người luôn tìm kiếm cơ hội học tập mới, để không chỉ duy trì năng lực thông tin mà còn đảm bảo rằng chúng luôn đồng bộ với xu hướng phát triển công nghệ liên tục cập nhật kiến thức qua các khoá đào tạo, hội thảo là không thể thiếu.

Trong tương lai, Báo cáo của Hiệp hội Kế toán Công chứng và Viện Kế toán Quản lý (2013) dự đoán rằng, nghề kiểm toán sẽ trở thành một ngành nghề “lai” mới. Các kế toán “lai” sẽ làm việc như những chuyên gia công nghệ thông tin, nhà quản lý dữ liệu và giám đốc kinh doanh để có thêm phân tích tổng hợp để có cái nhìn sâu sắc và ý nghĩa hơn từ các con số. Để có thể tìm kiếm, lựa chọn và sử dụng học liệu,... một cách hiệu quả, đúng mục tiêu nghiên cứu, thời gian và phạm vi nghiên cứu, không bị nhiễu khi quá nhiều học liệu, không bị thiếu khi quá ít học liệu,... sinh viên cần phải nhận dạng được nhu cầu của mình về học liệu và xác định được tính chất học liệu. Về nhận dạng nhu cầu: sinh viên phải tự biết, tự xác định được phạm vi học liệu mình cần; về xác định tính chất học liệu: sinh viên phải xác định được nội dung tri thức được lưu trong học liệu; loại hình học liệu; dung lượng tri thức cũng như số lượng học liệu cần thiết,... Tuy nhiên, khi nghiên cứu kết quả cho thấy trung bình có tới “39,3% sinh viên Việt Nam xác định phạm vi nhu cầu học liệu cho đề tài nghiên cứu chưa chính xác”. Về xác định đúng đặc điểm học liệu, kết quả nghiên cứu đã cho tác giả Trương Đại Lượng nhận định tỉ lệ sinh viên “những người đang học tập và nghiên cứu trong môi trường học thuật cũng phải là cao” với thước đo trả lời đúng cho câu hỏi thử nghiệm thứ nhất 78% và câu hỏi thứ hai chỉ 55,7%. Để có kết quả tìm kiếm học liệu cao một cách nhanh chóng và chất lượng, sinh viên cần có năng lực tìm kiếm thông tin. Năng lực này được thể hiện thông qua việc sinh viên phải biết xây dựng chiến lược tìm tin; lựa chọn được công cụ tìm tin phù hợp, hiệu quả; sử dụng thành thạo công cụ tìm tin. Về xây dựng chiến lược tìm tin: để xây dựng được chiến lược tìm tin hiệu quả, trước hết, sinh viên phải xác định được các khái niệm công cụ để mô tả chính xác cho nội dung nhu cầu học liệu của mình. Đồng thời cũng phải xác định được ngôn ngữ tìm tin, biểu thức tìm tin, lựa chọn

loại hình tài liệu. Nhưng “kết quả nghiên cứu cũng đã cho thấy, hầu hết sinh viên không xác định đúng được các khái niệm chính”, có tới 65,5% sinh viên được hỏi trả lời sai. Về xác định ngôn ngữ tìm tin, chỉ có “18,8%” sinh viên trả lời đúng đáp án. Về lựa chọn biểu thức tìm tin có tới “62,1%” trả lời sai đáp án, “chưa nắm được phương pháp sử dụng toán tử Boolean trong tìm kiếm thông tin”. Về lựa chọn loại hình tài liệu phần lớn sinh viên Việt Nam “vẫn chưa nắm rõ đặc điểm các loại hình tài liệu và chu trình xuất bản thông tin khoa học kỹ thuật”, có tới “46,9%” sinh viên được hỏi chưa trả lời đúng đáp án. Về lựa chọn được công cụ tìm tin: kết quả nghiên cứu đã cho kết luận “sự hiểu biết của sinh viên về đặc điểm và chức năng của các máy tìm tin còn khá mơ hồ”, chỉ có “41,4%” trả lời đúng đáp án. Về sử dụng công cụ tìm tin: kết quả nghiên cứu đã cho kết luận “hầu hết sinh viên đại học ở Việt Nam chưa có kỹ năng sử dụng máy tìm tin hiệu quả mặc dù các máy tìm tin như Google, Yahoo rất phổ biến và được họ sử dụng hằng ngày”, chỉ có “17,5%” trả lời đúng đáp án.

Trong quá trình tìm kiếm học liệu phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học, đòi hỏi sinh viên cần có năng lực đánh giá chính xác nội dung thông tin được lưu giữ trong học liệu một cách khách quan, từ đó có những quyết định trong việc đồng quan điểm hay không đồng quan điểm về mặt học thuật, cũng như việc trích dẫn. Về việc lựa chọn các tiêu chí, nghiên cứu cho thấy, hầu hết sinh viên Việt Nam đã biết lựa chọn các tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng học liệu. Tuy nhiên, chỉ có “27,5%” lựa chọn đầy đủ các tiêu chí đúng với đáp án. Sau khi xác định đúng nhu cầu của mình, biết cách tra cứu tìm kiếm được học liệu, sinh viên cần có năng lực đọc nhanh, khai thác thông tin nhanh nhất, chính xác nhất, khái quát nhất và trích rút, trích dẫn được nội dung chất lượng nhất phục vụ cho học tập và nghiên cứu của mình. Hiện nay, kỹ năng đọc và khai thác thông tin trong học liệu của sinh viên vẫn còn hạn chế, khả năng bao quát, nhận dạng thông tin quan trọng chưa thành thạo. Chỉ có “50%” sinh viên được hỏi trả lời đáp án đúng về câu hỏi điều tra nghiên cứu kỹ năng đọc và khai thác. Sự hiểu biết các vấn đề sở hữu trí tuệ, đạo đức trong việc sử dụng thông tin và chia sẻ thông tin với người khác thể hiện cụ thể trong việc sinh viên cần nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của việc trích dẫn, biết cách mô tả tài liệu trích dẫn cũng như hiểu rõ pháp luật, vấn đề bản quyền và sở hữu trí tuệ. Về trích dẫn tài liệu: đa số sinh viên Việt Nam hiện nay chưa biết đầy đủ trường hợp nào phải trích dẫn. Do vậy, chỉ có “7,25%” trả lời đúng đáp án. Cũng tương tự như vậy, với sự hiểu biết về mô tả tài liệu tham khảo chỉ có “33,6%” sinh viên được hỏi trả lời đúng đáp án. Về hiểu biết sở hữu trí tuệ và bản quyền: kết quả nghiên cứu đã “phản ánh thực trạng hiểu biết về bản quyền và sở hữu trí tuệ của sinh viên trong việc sử dụng thông tin chưa đầy đủ”.

Hiệu quả của các chương trình đào tạo năng lực thông tin phụ thuộc vào các cơ sở đào tạo. Việc triển khai chương trình năng lực thông tin sẽ cần sự phối hợp, hợp tác của nhiều bộ phận, tổ chức xã hội. Trong những năm gần đây, các trường đại học ở Việt Nam đã bắt đầu quan tâm đến phát triển năng lực thông tin cho

sinh viên - xem đó là một trong những kỹ năng mềm quan trọng trang bị cho sinh viên trước khi tốt nghiệp.

2.1.3. Yêu cầu để phát huy tốt năng lực thông tin cho sinh viên ngành kế toán trong bối cảnh chuyển đổi số

Nhằm phát huy tốt năng lực thông tin của sinh viên hiện nay, đặc biệt là sinh viên ngành kế toán, có một số yêu cầu quan trọng mà sinh viên cần tuân thủ:

Để có một nền móng kiến thức chuyên ngành vững chắc, sinh viên cần tiếp cận và nắm vững kiến thức chuyên ngành thông qua việc học tập và nghiên cứu. Trong thời kì chuyển đổi số diễn ra ngày càng mạnh mẽ, sinh viên kế toán cần trang bị kiến thức chuyên ngành như sau: Sinh viên cần hiểu về các công nghệ thông tin liên quan đến kế toán, bao gồm phần mềm kế toán, hệ thống quản lý tài chính (ERP), và các công cụ phân tích dữ liệu. Trong quy trình chuyển đổi số: Sinh viên cần nắm vững quy trình chuyển đổi số, từ việc thu thập dữ liệu, xử lý dữ liệu, đến báo cáo và phân tích kết quả. Trong việc ứng dụng thực tế: Sinh viên cần hiểu cách áp dụng chuyển đổi số trong các tình huống thực tế của ngành kế toán, bao gồm quản lý tài chính, kiểm toán, và tư vấn thuế. Đối với kỹ năng phân tích dữ liệu: Kỹ năng phân tích dữ liệu và trực quan hoá thông tin là rất quan trọng trong môi trường kế toán chuyển đổi số. Sinh viên cũng nên tìm hiểu về các xu hướng mới như trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain, và automation để áp dụng chúng vào công việc kế toán hiện đại.

Cần phát triển kỹ năng tư duy logic, phân tích và tổng hợp thông tin để giải quyết vấn đề. Kỹ năng tư duy logic giúp sinh viên phân tích và hiểu rõ quy trình chuyển đổi số, từ việc xử lý dữ liệu đến việc tạo ra báo cáo và phân tích kết quả. Sinh viên cần có khả năng tư duy phản biện để đưa ra những quan điểm chính xác và logic trong việc áp dụng chuyển đổi số vào các tình huống kế toán cụ thể. Kỹ năng tư duy sáng tạo giúp sinh viên tìm ra cách áp dụng công nghệ và quy trình chuyển đổi số một cách linh hoạt và hiệu quả trong lĩnh vực kế toán. Kỹ năng tư duy phân tích giúp sinh viên hiểu rõ dữ liệu kế toán và tạo ra các phân tích thông tin có giá trị từ dữ liệu này để hỗ trợ quyết định kinh doanh. Sinh viên cần có khả năng tư duy toàn diện để nhìn nhận vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau và áp dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tế công việc kế toán trong bối cảnh chuyển đổi số.

Sinh viên cần biết cách sử dụng các nguồn thông tin đáng tin cậy và hiệu quả trên Internet và thư viện. Tìm kiếm thông tin chuyên ngành: Sinh viên cần biết cách tìm kiếm thông tin chuyên ngành từ các nguồn đáng tin cậy như sách, bài báo, tạp chí chuyên ngành, và các nguồn thông tin trực tuyến uy tín. Sử dụng công cụ tìm kiếm trực tuyến như Google, PubMed, hoặc các cơ sở dữ liệu chuyên ngành giúp sinh viên tra cứu thông tin hiệu quả. Sinh viên cần có khả năng đánh giá và xác minh tính chính xác của thông tin từ các nguồn khác nhau trước khi áp dụng vào công việc kế toán. Liên kết thông tin từ nhiều nguồn khác nhau giúp sinh viên xây dựng được kiến thức toàn diện và áp dụng chúng vào thực tế công việc kế toán trong bối cảnh chuyển đổi số.

Bên cạnh đó, sinh viên cần hiểu biết về công nghệ thông tin để có thể sử dụng các công cụ và nguồn thông tin hiện đại. Sinh viên cần nắm vững kiến thức về công nghệ thông tin và các công cụ phần mềm kế toán hiện đại. Việc tìm hiểu về các công nghệ mới và cách chúng ứng dụng trong lĩnh vực kế toán là rất quan trọng.

Sinh viên cần phát triển kỹ năng đọc hiểu thông tin và viết lách một cách logic và rõ ràng, cần có khả năng đọc hiểu tài liệu chuyên ngành về chuyển đổi số, công nghệ thông tin, phần mềm kế toán, và các quy trình kế toán liên quan. Việc hiểu rõ văn bản chuyên ngành giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào thực tế công việc kế toán. Cần biết cách trình bày ý kiến và thông tin một cách rõ ràng, logic và chính xác. Việc viết báo cáo, tóm tắt, hoặc phân tích về chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong kế toán là một phần quan trọng của công việc kế toán hiện đại. Học cách sử dụng ngôn ngữ chuyên ngành kế toán và công nghệ thông tin một cách chính xác và hiệu quả khi viết báo cáo, tài liệu kỹ thuật, hoặc tóm tắt thông tin. Tóm tắt và phân tích thông tin từ các nguồn khác nhau giúp sinh viên có khả năng viết lách một cách sâu sắc và có giá trị trong lĩnh vực kế toán chuyển đổi số.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Xây dựng phiếu khảo sát

Nhóm nghiên cứu đã tham khảo những câu hỏi đã được sử dụng ở một số nghiên cứu trước đó và tham khảo ý kiến của giảng viên để đưa ra những câu hỏi cuối cùng. Đồng thời nhóm cũng có những điều chỉnh trong văn phong và hình thức của bảng hỏi nhằm tiếp cận được với sinh viên và phù hợp với mục tiêu mà nhóm nghiên cứu.

2.2.2. Tổ chức điều tra, khảo sát

a. Đối tượng khảo sát:

Đối tượng khảo sát là sinh viên khoá 61, 62, 63, 64, ngành Kế toán của Trường Đại học Vinh.

b. Hình thức tiến hành:

- Hình thức điều tra:

Điều tra online qua link google form: Đăng bảng hỏi lên trang Facebook cá nhân, mạng xã hội để tương tác với những đối tượng không thể tiếp xúc trực tiếp.

Thời gian thực hiện: Nhóm nghiên cứu tiến hành điều tra trong vòng 2 tuần từ 25/12/2023 - 7/1/2024.

3. Kết quả và đánh giá

3.1. Kết quả nghiên cứu

Nhóm tác giả thực hiện thu thập dữ liệu nghiên cứu qua phiếu khảo sát theo hình thức khảo sát trực tuyến, địa chỉ:

https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSeBfQ0l8bNaYDJVd8m3hseC4v1_iLhekRKB-oXq_1aieyGGoQ/viewform?usp=sf_link

Kết quả khảo sát thu được 864 phiếu, Số phiếu hợp lệ là 864, số phiếu này đạt yêu cầu về kích thước mẫu do đó dữ liệu đủ điều kiện để phân tích các bước tiếp theo.

Đối tượng trả lời khảo sát là các sinh viên đang học ngành kế toán tại Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh.

Bảng 3.1. Thống kê mẫu nghiên cứu về năng lực thông tin

STT	Năng lực thông tin	Tần suất	Tỉ lệ (%)
1	Là sự hiểu biết và một tập hợp các khả năng cho phép các cá nhân có thể “nhận biết thời điểm cần thông tin và có thể định vị, thẩm định và sử dụng thông tin cần thiết một cách hiệu quả”.	275	31,8
2	Là khả năng nhận biết nhu cầu thông tin của bản thân, cũng như khả năng định vị, đánh giá và sử dụng hiệu quả thông tin tìm được.	177	20,5
3	Là khả năng truy cập, quản lí, hiểu, kết hợp, giao tiếp, đánh giá và sáng tạo thông tin một cách an toàn và phù hợp thông qua công nghệ số để phục vụ cho các công việc từ đơn giản đến phức tạp cũng như khởi nghiệp.	412	47,7
Tổng		864	100

(Nguồn: Kết quả phân tích của nhóm tác giả)

Qua kết quả khảo sát cho thấy, đa số sinh viên ngành Kế toán khoá 61, 62, 63, 64 của Trường Đại học Vinh đã hiểu đúng khái niệm năng lực thông tin.

Bảng 3.2. Thống kê mẫu nghiên cứu theo các kĩ năng

STT	Kĩ năng	Tần suất	Tỉ lệ %
1	Kĩ năng tìm kiếm và thu thập thông tin	515	59,6
2	Kĩ năng xử lí và đánh giá thông tin	245	28,4
3	Kĩ năng sử dụng thông tin	104	12
Tổng		864	100

(Nguồn: Kết quả phân tích của nhóm tác giả)

Qua kết quả khảo sát cho thấy, sinh viên đã hình thành được các kỹ năng về năng lực thông tin. Kỹ năng xử lý và thu thập thông tin chiếm 59,6% , kỹ năng xử lý và đánh giá thông tin chiếm 28,4%, kỹ năng sử dụng thông tin chiếm 12% . Đa số sinh viên có nhu cầu lớn về kỹ năng tìm kiếm và thu thập thông tin, và được quan tâm nhiều hơn. Vẫn còn khoảng cách khá lớn với hai kỹ năng còn lại.

3.1.1. Kỹ năng tìm kiếm và thu thập thông tin kế toán

Bảng 3.3. Thống kê mẫu nghiên cứu về tìm kiếm thông tin kế toán

STT	Kỹ năng	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Kỹ năng xử lý thông tin	102	11,8
2	Kỹ năng tìm kiếm thông tin	229	26,5
3	Kỹ năng sử dụng thông tin	87	10,1
4	Kỹ năng đánh giá thông tin	28	3,2
5	Tất cả các kỹ năng	418	48,4
Tổng		864	100

(Nguồn: Kết quả phân tích của nhóm tác giả)

Qua kết quả khảo sát cho thấy, trong kỹ năng tìm kiếm thông tin kế toán thì sinh viên chọn kỹ năng xử lý thông tin chiếm 11,8%, kỹ năng tìm kiếm thông tin chiếm 26,5%, kỹ năng sử dụng thông tin chiếm 10,1%, kỹ năng đánh giá thông tin chiếm 3,2% và 48% sinh viên chọn tất cả các kỹ năng trên. Phần lớn sinh viên đều sử dụng tất cả các kỹ năng để tìm kiếm thông tin cho bản thân.

Bảng 3.4. Thống kê mẫu nghiên cứu về nguồn thông tin

STT	Nguồn thông tin	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Thư viện	87	10,1
2	Sách giáo khoa	98	11,3
3	Giảng viên	110	12,7
4	Từ các doanh nghiệp	21	2,4
5	Tất cả phương án trên	548	63,4
Tổng		864	100

(Nguồn: Kết quả phân tích của nhóm tác giả)

Qua kết quả khảo sát, ta thấy, trong nguồn thông tin tích lũy của sinh viên kế toán thì nguồn thư viện chiếm 10,1%, sách giáo khoa chiếm 11,3%, giảng viên chiếm 12,7%, từ các doanh nghiệp chiếm 2,4% và 63,4% còn lại sử dụng tất cả các nguồn thông tin. Đa số sinh viên đã sử dụng hết các nguồn thông tin để tích lũy kiến thức. Qua đó cho thấy, sinh viên đã biết kết hợp các nguồn thông tin với nhau để tăng nguồn kiến thức cho bản thân.

Bảng 3.5. Thống kê mẫu nghiên cứu về mức độ quan trọng của kỹ năng thu thập thông tin

STT	Mức độ quan trọng	Tần suất	Tỉ lệ (%)
1	Rất quan trọng	637	73,7
2	Quan trọng	219	25,3
3	Không quan trọng	8	0,9
Tổng		864	100

(Nguồn: Kết quả phân tích của nhóm tác giả)

Qua kết quả khảo sát, ta thấy, mức độ quan trọng của kỹ năng thu thập thông tin kế toán là một yếu tố quan trọng đối với công việc kế toán. Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của kỹ năng thu thập thông tin là rất cao (có 637 sinh viên, chiếm 73,7%), họ cho rằng, việc thu thập thông tin là rất quan trọng. Bên cạnh đó, một số ít sinh viên (8 sinh viên, chiếm 0,9%) cảm thấy kỹ năng thu thập thông tin là không quan trọng.

3.1.2 . Kỹ năng xử lý và đánh giá thông tin

Bảng 3.6. Thống kê mẫu nghiên cứu về nguồn đánh giá thông tin

STT	Chiến lược đảm bảo tính chính xác	Tần suất	Tỉ lệ (%)
1	Các bài đăng	85	9,8
2	Hỗ trợ từ giảng viên tư vấn	301	34,8
3	Internet	446	51,6
4	Thư viện	32	3,7
Tổng		864	100

(Nguồn: Kết quả phân tích của nhóm tác giả)

Qua kết quả khảo sát, ta thấy, nguồn đánh giá thông tin của sinh viên kế toán từ các bài đăng chiếm 9,8%, hỗ trợ từ giảng viên tư vấn chiếm 34,8%, Internet chiếm 51,6%, thư viện chiếm 3,7%. Phần lớn sinh viên có thói quen sử dụng

nguồn từ Internet và từ các giảng viên để đảm bảo tính chính xác cho thông tin. Đây là điều phản ánh đúng với xu thế hiện nay trong bối cảnh chuyển đổi số.

Bảng 3.7. Thống kê mẫu nghiên cứu về thói quen kiểm tra độ tin cậy thông tin

STT	Mức độ	Tần suất	Tỉ lệ
1	Luôn luôn	516	59,8
2	Thỉnh thoảng	340	39,4
3	Không bao giờ	8	0,8
Tổng		864	100

(Nguồn: Kết quả phân tích của nhóm tác giả)

Qua kết quả khảo sát, ta thấy, thói quen kiểm tra độ tin cậy thông tin, có 516 sinh viên (chiếm 59,8%), luôn luôn xác minh tính chính xác của thông tin kế toán trước khi sử dụng, 340 sinh viên (chiếm 39,4%) thỉnh thoảng xác minh tính chính xác của thông tin kế toán trước khi sử dụng. Còn lại 8 sinh viên (chiếm 0,8%) không bao giờ xác minh tính chính xác của thông tin kế toán trước khi sử dụng. Điều này cho thấy, hầu hết sinh viên luôn giữ cho mình thói quen về việc kiểm tra độ tin cậy, tính chính xác của thông tin mình tìm kiếm và thu thập được. Đây là một tín hiệu tốt về sinh viên ngành kế toán tại Trường Đại học Vinh.

Bảng 3.8. Thống kê mẫu nghiên cứu về đánh giá nguồn thông tin từ giảng viên

STT	Hiệu quả	Tần suất	Tỉ lệ (%)
1	Rất hữu ích	798	92,4
2	Không hữu ích	66	7,6
Tổng		864	100

(Nguồn: Kết quả phân tích của nhóm tác giả)

Qua kết quả khảo sát, có 92,4% sinh viên cảm thấy hữu ích với nguồn thông tin từ giảng viên trong quá trình khai thác và sử dụng thông tin kế toán. Với kết quả này, ta thấy, sinh viên ham học hỏi, tìm hiểu và lắng nghe giảng viên để bổ sung, nâng cao kiến thức chuyên ngành của mình về mọi mặt. Đa phần sinh viên đã có thói quen chia sẻ thông tin với giảng viên để kiểm tra tính chính xác của thông tin.

3.1.3. Kỹ năng sử dụng thông tin kế toán

Bảng 3.9. Thống kê mẫu nghiên cứu về phần mềm, công nghệ hỗ trợ

STT	Công cụ hỗ trợ	Tần suất	Tỉ lệ (%)
1	Phần mềm kế toán doanh nghiệp Misa	151	17,5
2	Phần mềm quản lí hoá đơn	25	2,9
3	ChatGPT	41	4,7
4	Excel	83	9,6
5	Tất cả các phương án trên	539	62,4
6	Mục khác	25	2,9
Tổng		864	100

(Nguồn: Kết quả phân tích của nhóm tác giả)

Kết quả khảo sát cho thấy, đối với phần mềm, công nghệ hỗ trợ trong quá trình học tập chuyên ngành kế toán, có 17,5% sinh viên sử dụng phần mềm kế toán doanh nghiệp Misa, 2,9% sinh viên sử dụng phần mềm quản lí hoá đơn, 4,7% sinh viên sử dụng ChatGPT (ứng dụng công nghệ cao) và 9,6% sinh viên sử dụng Excel, 62,4% sinh viên sử dụng tất cả các công cụ hỗ trợ và 2,9% sinh viên sử dụng các công cụ phần mềm công nghệ khác trong quá trình học tập. Qua đây, ta thấy rằng, sinh viên ngành Kế toán tại Trường Đại học Vinh đã biết sử dụng và được thực hành trên các công nghệ, phần mềm hỗ trợ trong quá trình học tập chuyên ngành của mình. Với môi trường công nghệ số - hiện đại số như bây giờ, thì các ứng dụng, phần mềm công nghệ hỗ trợ cho ngành kế toán ngày càng nhiều, giúp sinh viên tận dụng tối đa cơ hội thực hành nâng cao nghiệp vụ của mình.

Bảng 3.10. Thống kê mẫu nghiên cứu về hiệu quả sử dụng

STT	Mức độ	Tần suất	Tỉ lệ (%)
1	Rất hiệu quả (75 - 100%)	356	41,2
2	Hiệu quả (50 - 75%)	480	55,6
3	Kém hiệu quả (25 - 50%)	26	3
4	Rất kém hiệu quả (0 - 25%)	2	0,2
Tổng		864	100

(Nguồn: Kết quả phân tích của nhóm tác giả)

Qua kết quả khảo sát, ta thấy hiệu quả của sử dụng phần mềm công nghệ hỗ trợ trong việc khai thác và áp dụng thông tin kế toán. Sinh viên sử dụng phần mềm hỗ trợ rất hiệu quả chiếm 41,2%, có 55,6% sinh viên thấy việc sử dụng phần mềm hỗ trợ hiệu quả, 3% sinh viên sử dụng phần mềm hỗ trợ kém hiệu quả trong việc khai thác và áp dụng thông tin kế toán và 0,2% sinh viên sử dụng phần mềm hỗ trợ rất kém hiệu quả trong việc khai thác và áp dụng thông tin kế toán. Điều này cho thấy, hiện nay, sinh viên đang thích nghi dần và phát triển tốt khi học tập trong môi trường hiện đại như bây giờ. Kết hợp hiệu quả giữa học và thực hành trên các ứng dụng, phần mềm công nghệ sẽ giúp sinh viên nâng cao được kiến thức.

3.2. Đánh giá năng lực thông tin của sinh viên ngành Kế toán trong bối cảnh chuyển đổi số tại Trường Đại học Vinh

Những kết quả trên cho thấy sinh viên ngành Kế toán, Trường Đại học Vinh đã sử dụng năng lực thông tin khá hiệu quả trong học tập và làm việc.

Sinh viên đã nhận thức được tầm quan trọng của năng lực thông tin. Sinh viên đã biết phân biệt và sử dụng, kết hợp hiệu quả các kỹ năng để hỗ trợ cho quá trình học tập của bản thân. Phần lớn các bạn thường xuyên thực hiện thao tác tìm kiếm thông tin khi có nhu cầu về thông tin. Nhiều sinh viên có thể nhận dạng nhu cầu thông tin của bản thân. Bên cạnh việc tham khảo tài liệu từ giáo trình, tài liệu bám sát chương trình môn học, tài liệu từ giảng viên thì các bạn sinh viên đã mở rộng phạm vi tìm kiếm qua Internet là chủ yếu. Tìm kiếm, thu thập thông tin qua các công cụ tra cứu tin như Google, Youtube,... Đặc biệt, Google được sinh viên đánh giá là công cụ tìm kiếm thường xuyên, mạnh mẽ và hữu ích nhất trên Internet. Chỉ cần sinh viên với một vài từ khoá chính thì cả một kho tàng thông tin khổng lồ hiện lên ngay sau khi nhấp chuột, sinh viên có rất nhiều sự lựa chọn để thu thập thông tin mà mình cần.

Sinh viên đều sử dụng tài liệu để tham khảo, thống kê thông tin và xác minh độ tin cậy trước khi áp dụng thông tin kế toán vào quá trình học tập sau khi tìm hiểu. Đây là cách sử dụng thông tin hiệu quả, hữu ích đối với sinh viên kế toán. Đối với sinh viên kế toán thuộc khoá 61 đang trong quá trình chuẩn bị đi thực tập, một số bạn đi thực tập sớm đã hình thành được các kỹ năng để có một kì thực tập tốt đẹp. Việc áp dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tế giúp ích cho sinh viên rất nhiều về mặt kiến thức cũng như kỹ năng, năng lực cho bản thân.

Sinh viên đã sử dụng tốt thông tin để nắm vững các quy định pháp luật và tiêu chuẩn kế toán mới nhất, áp dụng chúng vào thực tế công việc, tạo ra báo cáo, bài thuyết trình hoặc tài liệu khác để chia sẻ kiến thức với người khác. Bản thân quản lý và lưu trữ thông tin kế toán một cách an toàn và hiệu quả, ra quyết định thông minh và hiệu quả trong công việc và cuộc sống, giúp nắm bắt xu hướng mới, cập nhật kiến thức và chuẩn bị cho sự nghiệp kế toán trong tương lai. Sinh viên có khả năng nắm bắt thông tin hiệu quả, đạt được nhiều kết quả tích cực trong quá trình học tập. Xử lý dữ liệu và thông tin tài chính một cách nhanh

chóng và chính xác, làm tăng hiệu quả công việc hằng ngày, tạo ra báo cáo kế toán chính xác và thuyết phục, giúp doanh nghiệp và quản lý có cái nhìn đầy đủ về tình hình tài chính.

Trong ngành kế toán, với việc sử dụng công nghệ có nguy cơ rủi ro an ninh thông tin, đặc biệt là khi có lượng lớn dữ liệu nhạy cảm được xử lý và lưu trữ. Điều này đã gây ảnh hưởng không nhỏ tới việc học cũng như khả năng làm việc của sinh viên ngành Kế toán Trường Đại học Vinh. Triển khai và duy trì công nghệ đòi hỏi chi phí và đào tạo nhân sự để sử dụng hiệu quả, đặc biệt là khi chuyển từ quy trình thủ công sang tự động. Việc sử dụng năng lực nắm bắt thông tin có thể tạo ra môi trường làm việc cá nhân hoá hơn, nhưng cũng có thể làm giảm khả năng tương tác xã hội của sinh viên. Công nghệ có thể hạn chế khả năng hiểu biết sâu sắc về ngữ cảnh và tình hình kinh doanh toàn diện. Khi làm việc với dữ liệu nhạy cảm, có rủi ro về an ninh thông tin cần được đặc biệt chú ý để tránh rủi ro mất mát dữ liệu hoặc vi phạm quyền riêng tư. Sinh viên còn nhiều hạn chế thụ động trong việc tự giác, sẵn sàng học hỏi và tìm kiếm tận dụng cơ hội để phát triển.

4. Kết luận

Đề tài “Nghiên cứu năng lực thông tin của sinh viên ngành Kế toán trong bối cảnh chuyển đổi số” được thực hiện với hai nội dung chính bao gồm: (1) Thực trạng năng lực thông tin của sinh viên ngành Kế toán; (2) Những giải pháp nào nhằm nâng cao năng lực thông tin của sinh viên Kế toán. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sinh viên ngành Kế toán Trường Đại học Vinh đã sử dụng năng lực thông tin khá hiệu quả trong việc học tập, làm việc trong bối cảnh chuyển đổi số. Tuy nhiên, năng lực thông tin của sinh viên còn nhiều hạn chế. Từ đó, nhóm nghiên cứu đã đề xuất các khuyến nghị nhằm phát triển, nâng cao khả năng thông tin của sinh viên ngành Kế toán.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Vũ Bảo Khuyên, Mai Mỹ Hạnh, Nguyễn Tấn Công (2019). Giáo dục đại học với công tác đào tạo năng lực cho sinh viên.
2. Đỗ Văn Hùng, Lê Thị Nga, Nguyễn Bích Thuỷ (2018). Nghiên cứu và phát triển chương trình đào tạo năng lực thông tin cho sinh viên trong kỉ nguyên số, Tạp chí Thông tin và tư liệu, số 3/2018.
3. Hoàng Thảo Nguyên, Nguyễn Thị Phương Thanh (2012). Rèn luyện kĩ năng tự học cho sinh viên trong đào tạo theo học chế tín chỉ, Tạp chí Giáo dục, số 3/2012.
4. Nghiêm Xuân Huy (2014). Năng lực thông tin với giáo dục đại học.
5. Trần Dương (2017). Một số giải pháp nâng cao năng lực thông tin cho sinh viên Trường Đại học Hà Tĩnh.

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN
37B - Lê Hồng Phong - TP. Vinh - Nghệ An
Giám đốc - Tổng Biên tập: 0238.3844748 - 0983.524134
Văn phòng: 0238.3840560
Email: nxbnghean@gmail.com

KỶ YẾU
HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC,
THÚC ĐẨY ĐẦU TƯ XANH
HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chịu trách nhiệm xuất bản và nội dung

Giám đốc - Tổng Biên tập: ThS. BÙI THỊ NGỌC

Biên tập: ThS. Phạm Thị Hằng, Phạm Ngọc Chi,
ThS. Trần Thị Thanh Yên

Bìa: Mỹ Hạnh

Trình bày: Mai Hồng

Sửa bản in: Ban Biên tập

Đôi tác liên kết: Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

ISBN 978-604-376-572-4

In 20 cuốn, khổ 19x27cm, In tại Công ty TNHH in Hoà Nhon, số 6/6, Lê Khôi, TP.Vinh, Nghệ An.
Đăng ký xuất bản số: 840-2024/CXBIPH/6-10/NA. Quyết định xuất bản số: 51/QĐ-NXBNA,
cấp ngày 2/4/2024.

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2024.